TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-PT
Ngày 30-10 -2018
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hấn, Thư ký Toà án nhân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/TLPT- DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 về "tranh chấp về quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3038/2018/QĐPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 3238/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Cụ A, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh B, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị C, vắng mặt.

2. Chị D, vắng mặt.

3. Chị E, vắng mặt.

4. Cháu F, sinh năm 2003 và cháu G, sinh năm 2010; đều cư trú tại: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng

Người đại diện hợp pháp của cháu F, cháu G: Anh B và chị C, là bố mẹ đẻ của hai cháu, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Bà H, nơi cư trú: Thôn 8, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; có mặt.

6. Ông I, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; có mặt.

7. Ông J, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; có mặt.

8. Bà K, nơi cư trú: Thôn 3, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

9. Bà L, nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng vắng mặt.

10. Bà M, nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Cụ A, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là cụ A trình bày:

Ngày 03 tháng 8 năm 2007, cụ A được Uỷ ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/00984 mang tên hộ bà A với diện tích đất 318m2 tại thửa đất số 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là thửa đất số 877C). Cụ có 07 người con tên H, I, K, L, J, M và B. Các con H, I, K, L, J, M đã có nhà riêng và không ở chung với cụ, duy nhất con trai út là B vẫn ở chung với cụ từ khi lấy vợ. Năm 2016, anh B tự ý phá một phần gian nhà của cụ đang ở để xây nhà mới mà không hỏi ý kiến của cụ. Quá trình giải quyết vụ án, anh B đã tự ý xây dựng ngõ đi chung và bể nước. Cụ A đã ngăn cản, trình báo chính quyền địa phương dừng việc xây dựng của anh B nhưng anh B vẫn không chấp hành mà cố tình xây dựng.

Quan điểm của cụ A: Diện tích đất 318 m2 tại thửa đất số 877C thuộc quyền sở hữu của cụ vì thế cụ hoàn toàn có quyền yêu cầu phần đất còn lại anh B chưa xây nhà thì thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ. Phần anh B đã xây thì cụ cho anh B sử dụng và buộc anh B phải tháo dỡ cổng đi chung, bể nước, tường bao xây dựng trái phép.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị C đồng thời là người đại diện hợp pháp của cháu F, cháu G trình bày:

Bố anh là cụ P (chết năm 1998), mẹ là A. Bố mẹ sinh được 07 người con là H, I, K, L, J, M và anh. Vào khoảng năm 1986, bố mẹ anh đã thống nhất chia toàn bộ diện tích đất của bố mẹ thành ba phần. Một phần diện tích 1 sào 2 thước chia cho anh I; một phần diện tích 10 thước chia cho anh J. Phần đất còn lại bố mẹ chưa chia cho anh nhưng bố anh nói sau này sẽ chia cho anh nhưng vì mẹ anh còn sống thì vẫn mang tên mẹ. Năm 2014, vợ chồng anh có làm móng nhà trên phần đất mang tên mẹ A (mẹ anh biết nhưng không ý kiến gì). Năm 2016, vợ chồng anh mới dành dụm, vay mượn đủ tiền để xây nhà. Khi anh xây tường nhà mới thì buộc phải phá một phần nhà cũ ba gian của cụ A (cụ A biết nhưng không có ý kiến gì). Anh B không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ A, vẫn muốn giữ nguyên hiện trạng đất như hiện tại.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D, chị E không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H, ông I, bà K, bà L, ông J và bà M thống nhất trình bày: Đồng ý với việc chia đất của bố mẹ đã chia cho ông J và ông I không tranh chấp. Phần đất cụ A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ cụ A là không đúng vì nguồn gốc đất là của bố mẹ nên cụ A có toàn quyền quản lý. Anh B đã xây dựng nhà trên diện tích bao nhiêu m2 thì cho anh B, diện tích đất còn lại thì để cụ A sử dụng, xây nhà riêng. Hiện các ông bà đã có nhà riêng nên không yêu cầu được nhận phần đất trong diện tích đất tại thửa đất số 877C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ A về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất mang tên: "hộ bà A" đối với diện tích đất tại thửa đất số 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

1. Cụ A được quyền sử dụng diện tích đất 113m2 tại thửa đất 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng, có tứ cận: phía Đông giáp đất ngõ xóm, phía Tây giáp ngõ đi, phía Bắc giáp đất anh J, phía Nam giáp phần đất chia cho anh B, chị C, cháu D, cháu E và cháu F (có các mốc giới 17, 18, 19, 20 trên sơ đồ kèm theo Bản án).

2. Anh B, chị C, cháu D, cháu E và cháu F được quyền sử dụng diện tích đất 205m2 tại thửa đất 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng, có tứ cận: phía Đông giáp ngõ xóm, phía Tây giáp đất của ông Hoàng Văn Thể, phía Bắc giáp phần đất chia cho cụ A, phía Nam giáp đất ông Lê Văn Bộ, có các mốc giới 12, 13, 14, 15, 16, 17, 20 trên sơ đồ theo Bản án. Anh B và chị C cùng các con được sử dụng các tài sản trên đất: 01 nhà cấp bốn, 01 nhà gang, 01 công trình phụ, 01 sân. Anh B và chị C phải có trách nhiệm tự tháo dỡ 01 cổng sắt

đã làm thêm trên ngõ đi chung ở vị trí giữa mốc 11, 12; 01 bể nước, 02 hàng gạch ba banh tại vị trí mốc 17, 20 trên sơ đồ kèm theo bản (có sơ đồ kèm theo Bản án).

3. Cụ A, anh B, chị C, cháu D, cháu E và cháu F có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên nhận được đơn kháng cáo của cụ A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng phần đất anh B đã xây dựng nhà ở chia cho anh B, không chia đất cho vợ con anh B. Phần đất còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ. Yêu cầu anh B tháo dỡ phần bờ bao, bể nước, cổng đã xây dựng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cụ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 09/4/2018 (do Công an xã cung cấp): Tại sổ lưu đăng ký thường trú của xã N, O tại hồ sơ số 19 thì chủ hộ là ông P. Sau khi ông P ốm chết năm 1998 thì chủ hộ khẩu thay là B vào ngày 24/5/2012. Trong hộ khẩu thời điểm ông P vẫn là chủ hộ thì gồm: ông P, bà A, anh B, chị C, cháu D, cháu F. Đến 2012 thì anh B làm thủ tục đổi sổ và đứng làm chủ hộ: anh B, chị C, bà A, cháu E, D, F, G.

Biên bản xác minh ngày 17/5/2018 (do Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội công an huyện Thủy Nguyên cung cấp): Tại hồ sơ gốc ngày 11/3/1997, hộ ông P gồm: ông P, bà A, anh B và chị C. Đến tháng 5/2012, anh B làm thủ tục đổi sổ, đổi chủ hộ, điều chỉnh lại gồm: anh B (chủ hộ), chị C, bà A, cháu E, D, F, G.

Biên bản xác minh ngày 22/8/2018 (làm việc với Uỷ ban nhân dân xã N)**:** Tại sổ mục kê năm 1986, tại Uỷ ban nhân dân xã N thì tên chủ sử dụng đất là P + I, diện tích 960m2. Đến năm 1998, ông P chết. Năm 2007, gia đình bà A tách thửa và chia làm 3 thửa cho ông I 438m2cho ông J 232m2 và bà A 318m2. Cả 3 thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân huyện O cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà A có đơn khởi kiện anh B tự ý xây dựng nhà trên phần đất mang tên bà thì địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay địa phương đề nghị tòa án căn cứ pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho công dân.

Tại thời điểm năm 1997, hộ ông P gồm có ông P bà A, anh B, chị C. Năm 1998, ông Chiết mất. Từ đó cho đến năm 2012, thì anh B đổi sổ hộ khẩu và đứng tên chủ hộ, hộ khẩu gồm: anh B, bà A, chị C, cháu F, E, D, G. Giấy chứng nhận được cấp cho hộ bà A năm 2007, tại thời điểm đó trong hộ khẩu có bà A, anh B, chị C.

+ Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất thể hiện người làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà A mà không phải là hộ bà A, trong hồ sơ cũng không có văn bản nào của các thành viên trong hộ gia đình bà A thể hiện ý chí đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà A cũng không có thể hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sổ hộ khẩu, tuy nhiên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà A. Xác định đây là đất của cụ P cụ A, trước khi chết cụ P đã giao toàn bộ đất cát nhà cửa cho cụ A, cụ thể là 318m2 đất. Vì vậy, tại thời điểm đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà A nhưng xác định được đây là tài sản của cụ A, cụ A đồng ý chia cho anh B phần đất mà anh B đã xây nhà. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ A.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như các lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Xác định tòa án cấp sơ thẩm đã chia phần diện tích đất đó cho cả chị C và các con anh B là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xet xử chấp nhận đơn kháng cáo của cụ A về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất mang tên hộ bà A đối với diện tích đất tại thửa đất số 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7 xã N, huyện O, Hải Phòng và sửa án sơ thẩm của Bản án số 25 ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án huyện Thủy Nguyên. Tổng diện tích 318m2 phần diện tích anh B đã xây nhà là 190m2 cụ A còn 128m2.

Vấn đề yêu cầu anh B tháo dỡ phần bờ bao, bể nước, cổng đã xây dựng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ A. Tại phiên tòa cụ A rút yêu cầu về vấn đề này vì vậy đình chỉ yêu cầu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và rút một phần nội dung kháng cáo, không thỏa thuận với bị đơn về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh B, chị Nguyễn Thị C, các cháu D; cháu E, cháu F đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà M, K và L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B, chị Nguyễn Thị C, cháu D; cháu E, cháu F bà M, K và L.

- Xét yêu cầu kháng cáo:

[2] Tại đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của cụ A cho rằng diện tích đất diện tích 318m2 tại số thửa 877C là thuộc quyền sở hữu của cụ và cụ yêu cầu anh B phải trả lại cụ phần đất anh B chưa xây dựng nhà ở, phần diện tích đất anh B đã xây dựng nhà ở thì cụ cho anh B nhưng không cho vợ con anh B. Tòa án án cấp sơ thẩm cũng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất để xác định quyền sở hữu tài sản nhưng tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm lại tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ về việc chia tài sản với diện tích đất 318m2 là không đúng yêu cầu khởi kiện của cụ A. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định lại như sau:

[3] Về nguồn gốc đất: Các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thấy tại sổ mục kê năm 1986, trang số 28, số thửa 877, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng ghi tên chủ sử dụng đất là "P + I"; diện tích sử dụng 960m2. Sau khi ông P chết (năm 1998) đến năm 2007, cụ A đơn yêu cầu tách thửa đất, phân chia làm 03 thửa cho ông I số thửa 877A diện tích 438m2, cho ông J số thửa 877B diện tích 232m2 và cho cụ số thửa 877C diện tích 318m2. Cả ba thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó Thửa đất số 877C đứng tên sử dụng là "hộ bà A" vào ngày 03 tháng 8 năm 2007. Như vậy, nguồn gốc diện tích đất 318m2 tại thửa số 877C thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ A.

[3] Diện tích đất này, vợ chồng cụ A chưa cho anh B. Anh B cho rằng khi cụ P còn sống, có nói sẽ cho anh toàn bộ diện tích đất 318m2 nhưng anh B không có chứng cứ chứng minh. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 thì chỉ có cụ A là người sử dụng đất. Cụ A có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một mình cụ, ngoài ra không còn các thành viên nào khác nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H/00984 ngày 03 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện O lại ghi tên người sử dụng đất là hộ bà A là ghi không đúng tên chủ sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ bà A để chia diện tích đất 318m2 cho vợ và con anh B mà không xem xét đánh giá các tài liệu chứng cứ khác dẫn đến việc quyết định Bản án không đúng luật. Trên diện tích đất 318m2, vợ chồng anh B đã xây một nhà ngang, một nhà cấp 4, một công trình phụ, một sân gạch. Toàn bộ diện tích đất 960m2 của vợ chồng cụ A nhưng những người con của hai cụ là bà H, ông I, ông K, ông L, ông J, bà M đồng ý với việc chia đất của cụ A và không nhận phần đất trong diện tích đất tại Thửa đất số 877C. Mặt khác, anh B cũng xác nhận vào khoảng năm 1986, bố mẹ anh đã thống nhất chia 1 sào 2 thước đất chia cho anh I

và 10 thước đất cho anh J. Do vậy, cần ghi nhận việc cụ A cho anh B phần diện tích đất mà vợ chồng anh B đã xây dựng một nhà ngang, một nhà cấp 4, một công trình phụ, một sân gạch (theo đo vẽ thực tế là 190m2), phần diện tích đất còn lại 128m2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ A.

[3] Đối với tài sản hình thành sau khi Tòa án tiến hành định giá tài sản có 01 cổng sắt anh B và chị C đã xây trong phần ngõ đi chung; một bể nước và hai hàng gạch pa panh. Tại cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc anh B và chị C phải có trách nhiệm tự tháo dỡ các tài sản trên mà không được thanh toán chi phí theo đúng yêu cầu khởi kiện của cụ A. Tại phiên tòa phúc thẩm, cụ A rút kháng cáo về yêu cầu này, căn cứ vào khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chấp nhận yêu cầu rút một phần kháng cáo của cụ A.

[4] Từ các nhận định trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của cụ A, căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với vụ án này, Cụ A không yêu cầu chia tài sản. Tòa án không xem xét giá trị tài sản chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai nên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định anh B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm.

Cụ A là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Cụ A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 115, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của cụ A.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng:

1.1. Cụ A được quyền sử dụng diện tích đất 128m2 tại thửa đất 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng, (có các mốc giới: 18 – 19 – 20 – 21 có sơ đồ kèm theo).

1.2. Anh B được quyền sử dụng diện tích đất 190m2 tại thửa đất 877C, tờ bản đồ số 03, tại thôn 7, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới: 12 – 13 – 14 – 15 – 16 – 21 – 20, có sơ đồ kèm theo). Tài sản trên đất là một nhà cấp bốn, một nhà gang, một công trình phụ, một sân thuộc quyền sở hữu của anh B và chị C.

1.3. Anh B và chị C phải có trách nhiệm tự tháo dỡ một bể nước, hai hàng gạch pa panh, một cổng sắt đã làm thêm trên ngõ đi chung mà không được thanh toán chi phí nào khác (ngõ đi chung có mốc giới: 5 – 6 - 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 20 – 19, có sơ đồ kèm theo).

1.4. Cụ A, anh B có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng kí quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ A.

Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000(ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Cụ A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng **Vũ Thị Thu Hà** **Đặng Hồ Điệp**